

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Số: 60/2018/QĐST - HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kinh Môn, ngày 14 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự về HN&GD thụ lý số: 89/2018/TLST - HNGĐ ngày 05/3/2017, về ly hôn, nuôi con chung giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Anh T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ Điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/3/2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/3/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Anh T và chị Lê Thị Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao hai cháu Trần Quốc A, sinh ngày 03/3/2006, và Trần Tiến Đ, sinh ngày 08/8/2009, cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T 1.000.000đồng/tháng/cháu, hai

cháu là 2.000.000đồng/tháng, thời gian kể từ tháng 4/2018 đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Kể từ ngày, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các từng hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với tất với tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Anh T tự nguyện nộp cả 150.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, và 150.000đồng tiền án phí dân sự về việc chị Thuận có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: AB/2016/0001511, ngày 05/3/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Anh T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THA dân sự huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THUY

